

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 5 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa ngày 22/5/2023.

Đại hội đồng cổ đông quyết nghị:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 với một số các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Thực hiện	% TH/KH
1	Công tác quét thu gom rác đường hè phố bằng thủ công, quét DPC bằng cơ giới:			
1.1	Công tác quét rác mặt đường, hè phố, công viên, khuôn viên bằng thủ công	Ha	34.607	100%
1.2	Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày	Km	13.248	100%
1.3	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm	Km	53.519	100%

1.4	Quét dài phân cách bằng cơ giới	km	19.090	100,2%
2	Công tác vận chuyển, xử lý rác, phế thải.			
2.1	Công tác vận chuyển rác bằng xe ép 4 tấn cự ly 20km	Tấn	96.400,9	103,3%
2.2	Công tác vận chuyển rác bằng xe ép 4 tấn cự ly 25km	Tấn	20.954,3	90%
2.3	Công tác xử lý rác	tấn	140.553	101%
2.4	Thu gom PTXD	Tấn	3012,3	99,6%
3	Công tác thoát nước đô thị	m3	3.925	100%
4	Duy trì, quản lý công viên khuôn viên	ha	105	Đạt
5	Công tác quản lý cây xanh đô thị:			
1.5	Cắt thấp tán không chế chiều cao cây loại 2	cây	1.100	100%
2.5	Chặt hạ cây khô mục	cây	120	100%
3.5	Trồng cây bóng mát đường phố	cây	200	đạt
6	Công tác quản lý, vận hành điện chiếu sáng	Lần	18.200	100%
7	Duy trì nhà vệ sinh công cộng	Hố	8.601	100%
8	Quản lý vận hành nhà máy nước thải TP	m3	2.372.500	100%
9	Công tác thu dịch vụ VSMT	Triệu đồng	23.575	100,3%
10	Sửa chữa cơ sở hạ tầng thành phố	Triệu đồng	16.617	100%
II	Tổng doanh thu: Doanh thu thuần	Triệu đồng	234.730	104,3%
III	Các khoản nộp ngân sách nhà nước:	Triệu đồng	16.800	136,6%
IV	Lao động	Người	905	
V	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đ/ người/thg	5,5	100%
VI	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.273	168,4%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Khối lượng thực hiện nhiệm vụ SXKD			
1	Công tác quét thu gom rác đường hè phố bằng thủ công, quét DPC bằng cơ giới:			
1.1	Công tác quét rác mặt đường, hè phố, công viên, khuôn viên bằng thủ công	Ha	34.186,757	
1.2	Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày	Km	9.080,4	
1.3	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm	Km	54.989,2	
1.4	Quét dải phân cách bằng cơ giới	km	19.355,1	
2	Công tác vận chuyển, xử lý rác, phế thải.			
2.1	Công tác vận chuyển rác bằng xe ép 4 tấn cự ly 20km	Tấn	92.750	
2.2	Công tác vận chuyển rác bằng xe ép 4 tấn cự ly 25km	Tấn	20.300	
2.3	Công tác xử lý rác	tấn	135.800	
2.4	Thu gom PTXD	Tấn	3.024	
3	Công tác thoát nước đô thị	m3	3.225	
4	Duy trì, quản lý công viên khuôn viên	ha	105	
5	Công tác quản lý cây xanh đô thị:			
1	Cắt thấp tán không chế chiều cao cây loại 2	cây	800	
2	Chặt hạ cây khô mục	cây	40	
3	Trồng cây bóng mát đường phố	cây	50	
6	Công tác quản lý, vận hành điện chiếu sáng	Lần	9.844	
7	Duy trì nhà vệ sinh công cộng	Hố	9.333	

3001
CÔNG
CỐ P
HỘI TRƯ
ĐANG TRƯ
THÀNH
HUY HỒA

8	Quản lý vận hành nhà máy nước thải thành phố	m3	11.200	
9	Công tác thu dịch vụ VSMT	Triệu đồng	25.300	
10	Sửa chữa cơ sở hạ tầng thành phố	Triệu đồng	11.056	
II	Tổng doanh thu:	Triệu đồng	238.000	
III	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng/ người/thg	5,6	
IV	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.300	

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, kế hoạch 2023. Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

Điều 3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022, kế hoạch 2023. Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	235.688
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	958
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	234.730
4	Giá vốn hàng bán	216.492
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	18.238
6	Doanh thu hoạt động tài chính	785
7	Chi phí tài chính	1.353
8	Chi phí bán hàng	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.711
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.959

11	Thu nhập khác	1.130
12	Chi phí khác	256
13	Lợi nhuận khác	873
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.832
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	559
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.273

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và kế hoạch năm 2023:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

5.1. Phân phối lợi nhuận năm 2022:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay: **2.273.246.253** đồng.
- + Giảm lợi nhuận trong năm: 198.161.413 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: **687.832.027** đồng.
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP còn lại dùng chi trả cổ tức: **1.387.252.813** đồng.
- Cổ tức 4,2% tương đương 420 đồng/cổ phần.
- Hình thức chi trả bằng tiền.
- Thời gian chi trả: Quý III/2023

5.2. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

- Cổ tức dự kiến 3,5% -5,5%.
- Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng bộ phận văn phòng công ty: 20% lợi nhuận sau thuế nếu hoàn thành kế hoạch cổ tức, 15% lợi nhuận sau thuế nếu không hoàn thành kế hoạch cổ tức.
- Lợi nhuận sau thuế của bộ phận kinh doanh: Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng.
- Không tạm ứng cổ tức năm 2023.

Điều 6. Thông qua báo cáo về thù lao, tiền lương của từng thành viên HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi thù lao, lương, thưởng và chi phí cho HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng năm 2022.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

1. Chi phí tiền lương, thù lao của từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Trần Chính	Chủ tịch HĐQT-PGD Công ty	218.563.200	
2	Đỗ Thị Minh Hải	P.Chủ tịch HĐQT	147.021.600	
3	Hồ Việt Lâm	Thành viên HĐQT	25.200.000	
4	Thiều Văn San	Thành viên HĐQT	25.200.000	
5	Lê Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT	25.200.000	
6	Trương Thị Thanh Bình	TB kiểm soát	134.521.200	
7	Nguyễn Tiến Hải	TV Ban kiểm soát	16.800.000	
8	Tổng Thị Thọ	TV Ban kiểm soát	16.800.000	

2. Tiền lương của Giám đốc, các phó Giám đốc, kế toán trưởng năm 2022:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hồ Việt Lâm	Giám đốc	170.098.800	
2	Thiều Văn San	Phó giám đốc	146.922.000	
3	Lê Hồng Quân	Phó giám đốc	36.730.500	Chuyển công tác từ 01/4/2022
4	Lê Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	147.021.600	

Điều 7. Thông qua chi phí hoạt động, mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2022, kế hoạch năm 2023: Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

1. Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2022, kế hoạch năm 2023:

Khoản mục	Thực hiện năm 2022(đồng)	Kế hoạch năm 2023(đồng)
Thù lao	100.800.000	100.800.000
Đi công tác, tham gia các hiệp hội ...	68.872.000	100.000.000
Tổng	169.672.000	218.800.000

2. Chi phí hoạt động của BKS năm 2022, kế hoạch năm 2023:

Khoản mục	Thực hiện năm 2022(đồng)	Kế hoạch năm 2023(đồng)
Thù lao	33.600.000	33.600.000
Tổng	33.600.000	33.600.000

Điều 8. Thông qua Danh sách các công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của công ty:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

Gồm các công ty sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.
2. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, chi nhánh phía Bắc.
3. Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế.

Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 cho công ty.

Điều 9. Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chi tiết về chi trả cổ tức năm 2022 đối với cổ đông và phương án phải xử lý (nếu có).

Điều 10. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/5/2023 với 41 cổ đông tham dự biểu quyết = 3.186.990 CP, đạt 100%.

Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng, ban đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UBCKNN; Sở GD&ĐT; TTLK&C;
- UBND Tỉnh Thanh Hóa
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT, TK&HQT; TL&HCD.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TOA ĐẠI HỘI



Trần Chính